

Bản án số: 139/2024/DS-ST
Ngày 09 - 7 - 2024
V/v tranh chấp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hoàng

Ông Nguyễn Minh Trọn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Bảo Trân là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 250/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc “tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn G, sinh năm 1957. Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1961 (có mặt).

2. Chị Võ Cẩm V, sinh năm 1995 (có mặt)

3. Anh Huỳnh Văn L, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

4. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau. Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông G trình bày:

Ông có tham gia các dây hui cụ thể:

Dây hui thứ nhất: Ngày 06/01/2021 âm lịch, ông Đ làm chủ hui cùng bà C, anh L, chị V mở dây hui giá 500.000đ, 01 tháng khui 02 lần vào ngày 06 và ngày

21 hàng tháng, có 100 phần hụi, ông tham gia 04 phần hụi tại số thứ tự 86, 87, 88, 89, đứng tên Sáu G1, việc khai hụi diễn ra trực tiếp tại nhà ông Đ, sau đó ông L, bà V thay nhau đi gom tiền hụi của hụi viên, ông đã góp vào 04 phần hụi này được 80 lần, đến lần thứ 81 thì ông Đ tuyên bố đình hụi mà không nói rõ nguyên nhân cho hụi viên biết. Sau khi đình hụi bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền hụi cho ông và hiện còn nợ: $04 \text{ phần} \times 500.000\text{đ} \times 80 \text{ lần} = 160.000.000 \text{ đồng}$.

Dây hụi thứ hai: Ngày 10/5/2021 âm lịch, ông Đ làm chủ hụi cùng bà C, anh L, chị V mở dây hụi giá 500.000đ, 01 tháng khai 02 lần vào ngày 10 và ngày 25 hàng tháng, có 73 phần hụi, ông tham gia 03 phần hụi tại số thứ tự 50, 51, 52 đứng tên Sáu Gò, việc khai hụi diễn ra trực tiếp tại nhà ông Đ, sau đó ông L, bà V thay nhau đi gom tiền hụi của hụi viên.

Ông đã hốt phần hụi tại số thứ tự số 50, bị đơn đã giao đủ tiền lĩnh hụi cho ông.

Ông đã góp 02 phần hụi còn lại được 70 lần (đến khi mãn hụi), số tiền 02 phần $\times 500.000\text{đ} \times 70 \text{ lần} = 70.000.000 \text{ đồng}$, hụi đã mãn nhưng phía bị đơn không giao đủ tiền hụi cho ông, đã qua bị đơn có trả 5.000.000 đồng và trừ huê hồng là 700.000 đồng. Như vậy dây hụi này bị đơn còn thiếu ông 64.300.000 đồng.

Tổng cộng 06 phần hụi, bị đơn còn nợ ông 224.300.000 đồng. Ông thống nhất không yêu cầu trách nhiệm trả nợ của bà C, đối với dây hụi thứ nhất ông đồng ý trừ thêm tiền huê hồng mỗi chung là 350.000 đồng, tổng cộng 04 phần là 1.400.000 đồng, đối trừ còn lại 158.600.000 đồng, tổng số tiền yêu cầu là 222.900.000 đồng và ông yêu cầu ông Đ, anh L, chị V có nghĩa vụ trả số tiền này cho ông.

Bị đơn ông Đ trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về việc ông có làm chủ hụi ở 02 dây hụi nêu trên, loại hụi, số lần khai hụi trong tháng, tổng số hụi viên ở 02 dây và số chung ông Đ tham gia.

Hụi do ông đứng tên làm chủ hụi, do trước đây ông trực tiếp làm chủ hụi, đến nay giao cho anh L, chị V đi gom hụi các hụi viên và ông vẫn trực tiếp làm hụi.

Về số tiền hụi còn nợ, do điều kiện hiện nay khó khăn nên ông chỉ đồng ý trả số tiền vốn ông Gò thực đóng cụ thể:

- Hụi ngày 10/5/2021, vốn đã đóng là $24.385.000\text{đ} \times 02 \text{ chung} = 48.770.000 \text{ đồng}$

- Hụi ngày 06/01/2021, vốn đã đóng $26.537.000\text{đ} \times 04 \text{ chung} = 106.148.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền thống nhất trả là 154.918.000 đồng, đã trả 5.000.000 đồng, còn lại 149.918.000 đồng.

Ông đồng ý cùng với anh L, chị V trả số tiền này cho ông G1, đối với bà C không biết việc mở hụi này nên không yêu cầu trách nhiệm của bà C.

Bị đơn chị V, anh L trình bày: Thống nhất với ý kiến của ông Đ.

Bà C trình bày: Giao dịch hụi của ông Đ, chị V, anh L bà không biết nên

không có liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà C, anh L yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hối thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với danh sách hối ngày 06/01/2021, ngày 10/5/2021 và lời thừa nhận của ông Đ, anh L, chị V trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó có cơ sở xác định ông G1 có tham gia 04 phần hối, loại hối 500.000 đồng mở ngày 06/01/2021 âm lịch; 02 phần hối, loại hối 500.000 đồng mở ngày 10/5/2021 âm lịch do ông Đ đứng tên làm chủ hối.

Theo nguyên đơn xác định: Đối với hối mở ngày 06/01/2021 âm lịch có 100 phần hối, nguyên đơn tham gia đến kỳ thứ 80 thì đình hối nên dây hối này bị đơn còn nợ 160.000.000 đồng tương đương với 80 kỳ hối chết, nguyên đơn thống nhất trừ số tiền huê hồng 1.400.000 đồng, số tiền còn lại 158.600.000 đồng.

Đối với hối mở ngày 10/5/2021 âm lịch có 73 phần hối, nguyên đơn tham gia đến mãn hối nhưng bị đơn không chung hối nên dây hối này bị đơn còn nợ số tiền 70.000.000 đồng, đối trừ với số tiền 5.000.000 đồng đã trả, tiền huê hồng 700.000 đồng, còn lại số tiền 64.300.000 đồng, tổng số tiền yêu cầu là 222.900.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Đ, chị V chỉ thống nhất trả số tiền mà nguyên đơn thực đóng cụ thể: Đối với dây hối mở ngày 06/01/2021 là 104.972.000 đồng, đối với hối mở ngày 10/5/2021 là 48.750.000 đồng. Tổng số tiền đồng ý trả là 153.722.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với dây hối mở ngày 10/5/2021 các đương sự thống nhất nguyên đơn tham gia đến khi mãn hối nên bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền hối tương ứng với các chung hối chết là đúng quy định, như vậy số tiền bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ở dây hối này là 70 kỳ x 500.000đ x 02 chung = 70.000.000 đồng, nguyên đơn thống nhất trừ tiền huê hồng mỗi chung là 350.000 đồng x 02 chung = 700.000 đồng và số tiền đã trả trước 5.000.000 đồng, số tiền còn lại phải trả là 64.300.000 đồng.

Đối với hối mở ngày 06/01/2021, các đương sự thống nhất đến kỳ thứ 80 thì đình hối, ông Đ, chị V xác định do các hối viên khác hốt hối nhưng không đóng hối dẫn đến đình hối đồng thời hiện nay bị đơn cũng gom hối chết những hối viên khác, do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền hối chết tương đương với 80 kỳ là phù hợp, như vậy số tiền bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ở dây hối này là 80 kỳ x 500.000đ x 04 chung = 160.000.000 đồng, nguyên đơn thống nhất đối trừ tiền huê hồng mỗi chung là 350.000 đồng x 04 chung = 1.400.000 đồng, số tiền còn lại phải trả là 158.600.000 đồng.

[4] Về nghĩa vụ trả nợ: Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu các bị đơn cùng có nghĩa vụ trả, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu ông Đ, anh L, chị V có nghĩa vụ trả, không yêu cầu trách nhiệm của bà C, đây là quyền tự định đoạt của nguyên đơn nên được chấp nhận.

[5] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đ, anh L, chị V có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là 222.900.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông G1 và ông Đ được miễn do thuộc trường hợp là người cao tuổi.

Anh L, chị V phải chịu 5.572.500 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn G. Buộc ông Huỳnh Văn Đ, anh Huỳnh Văn L và chị Võ Cẩm V có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Văn G số tiền 222.900.000 đồng (Hai trăm hai mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Văn G, ông Huỳnh Văn Đ được miễn.

- Anh Huỳnh Văn L và chị Võ Cẩm V phải chịu 5.572.000 đồng (Năm triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn đồng), chưa nộp.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7,b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

